

Bản án số: 108/2020/HS-ST

Ngày: 12-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thảo.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 91/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2020 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H, sinh năm 1990, tại Hà Tĩnh; giới tính: Nam; hộ khẩu thường trú: Thôn 2, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; Chỗ ở hiện tại: Tổ 1, khu phố Đ, phường Tân H, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 00/12; con ông Nguyễn X T, sinh năm 1967 và bà Dương Thị B, sinh năm 1965; có vợ: Lê Thị Mỹ Nhanh, sinh năm 2000; có 01 người con, sinh năm 2017.

Nhân thân: Ngày 10/6/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xử phạt 09 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản. Tiền sự, Tiền án: Không.

Ngày 12/8/2019 đến ngày 26/8/2019, thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 13/01/2020 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

2. Phạm Minh A, sinh năm 1973 tại Kiên Giang; giới tính: Nam; hộ khẩu thường trú: Ấp Th, xã G, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở hiện tại: Tổ 1, khu phố Đ, phường Tân H, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Chạy xe ôm; trình độ học vấn: Lớp

06/12; con ông: Phạm Văn K(đã chết) và bà Lương Kim X (đã chết); có vợ: Nguyễn Thị Hà, sinh năm 1981; có 02 người con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2010.

Nhân thân: Ngày 30/8/2002, bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt 02 năm tù về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ. Tiền sự, tiền án: Không.

Ngày 12/8/2019 đến ngày 26/8/2019, thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 13/01/2020, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

- *Bị hại:* Bảo hiểm xã hội thị xã TU; địa chỉ: Tổ 1, Khu phố 2, phường Uyên Hưng, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị Ngọc Đ, sinh năm 1991; địa chỉ: Khu phố U2, phường G, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/9/2019, bà Phạm Thị Ngọc Đ đến Cơ quan Bảo hiểm xã hội thị xã TU làm thủ tục đề nghị rút tiền bảo hiểm xã hội cho chồng là ông Phan Minh K chết ngày 31/5/2019 thì Cơ quan Bảo hiểm xã hội thị xã TU thông báo đã giải quyết trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần số tiền 53.640.000 đồng cho đương sự K vào ngày 29/8/2019. Sau khi kiểm tra trích lục khai tử số 24/TLKT của ông K do UBND thị trấn Ng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 03/6/2019, Cơ quan Bảo hiểm xã hội thị xã TU phát hiện Chứng minh nhân dân của K đã bị làm giả để chiếm đoạt tiền bảo hiểm xã hội nên thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU biết.

Cơ quan Cảnh sát điều tra mời Nguyễn Văn H và Phạm Minh A lên làm việc, A và H đã khai nhận toàn bộ hành vi lừa đảo để chiếm đoạt tiền bảo hiểm xã hội của ông Phan Minh K số tiền 53.640.000 đồng.

Tại kết luận giám định số 506/GĐ-PC09 ngày 25/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết quả: Chữ ký, chữ viết, dấu vân tay trên các tài liệu: “Tờ khai tham gia, điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đề ngày 12/8/2019; Đơn đề nghị số TT 97 đề ngày 22/8/2019; Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả số 71296/2019/07405/TB đề ngày 22/8/2019 và Giấy chứng nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần số TT: 51 đề ngày 29/8/2019” là do Phạm Minh A tự ký, viết và lấn tay.

Trong quá trình điều tra các bị cáo Nguyễn Văn H và Phạm Minh A khai nhận: Khoảng tháng 09 năm 2018 ông Phan Minh K vay của Nguyễn Văn H số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000 đồng/tháng và thế chấp sổ bảo hiểm xã hội số 7412109652 cùng Chứng minh nhân dân số 365149319 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 29/6/2017 mang tên Phan Minh K, hẹn đến tháng 03/2019 sẽ trả nợ và nhận lại sổ bảo hiểm xã hội.

Đến tháng 08/2019 không thấy K đến trả nợ như thỏa thuận, H nói cho Phạm Minh A là hàng xóm biết việc K vay tiền, thế chấp sổ bảo hiểm xã hội đồng thời bàn bạc và thỏa thuận với A cách lấy tiền bảo hiểm xã hội của K, khi lấy được tiền H sẽ chia cho A 15% trên tổng số tiền lấy được. Khi A đồng ý, H nói A đưa 01 tấm ảnh màu kích cỡ 02 x 03cm sau đó H dán ảnh của A lên vị trí dán ảnh của K trên Chứng minh nhân dân số 365149319 rồi mang đi ép dẻo giống với Chứng minh nhân dân thật của K.

Ngày 12/8/2019, H cùng A đi làm thủ tục rút tiền bảo hiểm xã hội của K. Khi đến Cơ quan bảo hiểm xã hội thị xã TU, H đứng ngoài, A cầm Chứng minh nhân dân số 365149319 dán hình ảnh của A và sổ BHXH mang tên Phan Minh K làm thủ tục đề nghị được rút toàn bộ tiền bảo hiểm xã hội của K. Nhân viên Bảo hiểm xã hội sau khi kiểm tra thông tin trên Chứng minh nhân dân và sổ bảo hiểm xã hội đã nhầm tưởng A là K nên hướng dẫn cho A điền nội dung vào các biểu mẫu đề nghị cấp lại sổ bảo hiểm xã hội, thủ tục giải quyết bảo hiểm xã hội một lần và hẹn A ngày 29/8/2019 có mặt tại Bưu điện thị xã TU để nhận tiền bảo hiểm xã hội.

Ngày 29/8/2019, H đi cùng A đến Bưu điện thị xã TU, A xưng tên là Phan Minh K, xuất trình Chứng minh nhân dân số 365149319 của K nhưng dán hình ảnh của A và sổ bảo hiểm xã hội tên Phan Minh K cho nhân viên Bưu điện thị xã TU kiểm tra sau đó A ký tên, lăn tay xác nhận vào “Giấy nhận tiền trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần” để nhận số tiền 53.640.000 đồng. Sau khi nhận tiền, A giao số tiền 53.640.000 đồng cho H, H đưa cho A 10.500.000 đồng, số tiền còn lại 43.140.000 đồng H mang về nhà cất giữ.

Sau khi, nhận được tiền tại Bưu điện thị xã TU, trên đường về nhà A vứt bỏ Chứng minh nhân dân số 365149319 mang tên Phan Minh K nhưng dán hình ảnh của A và sổ bảo hiểm xã hội mang tên Phan Minh K ở đâu không rõ. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã lập biên bản thu giữ không thành đối với Chứng minh nhân dân số 365149319 và sổ bảo hiểm xã hội mang tên Phan Minh K.

Trong quá trình điều tra người đại diện hợp pháp của bị hại ông Trương Thanh Như trình bày: Ngày 14/10/2019, Bảo hiểm xã hội thị xã TU đã nhận số tiền 53.640.000 đồng do A và H hoàn trả. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Ngọc Đ trình bày: Sau khi phát hiện sự việc bị cáo A và H dùng thủ đoạn lừa đảo chiếm đoạt tiền bảo hiểm xã hội của ông K, tháng 12/2019 Cơ quan bảo hiểm xã hội thị xã TU đã chi trả toàn bộ tiền chế độ tử tuất một lần của ông Phan Minh K nên bà Đ không có yêu cầu gì.

Cáo trạng số 99/CT-VKSTU ngày 29/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H và Phạm Minh A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù;

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Minh A từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Ngày 14/10/2019 các bị cáo A và H đã hoàn trả số tiền 53.640.000 đồng cho Bảo hiểm xã hội thị xã TU. Bảo hiểm xã hội thị xã TU không có yêu cầu nào khác.

- Về xử lý vật chứng: Không có

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu.

Trong phần trình bày lời nói sau cùng, các bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã TU, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc kKnại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh và khung hình phạt: Lời khai của các bị cáo Nguyễn Văn H và Phạm Minh A tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, thống nhất với nhau về quá trình thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Từ ngày 12/8/2019 đến ngày 26/8/2019, bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Phạm Minh A đã có hành vi sử dụng thủ đoạn gian dối là dùng chứng minh nhân dân của ông Phan Minh K nhưng dán hình của bị cáo A và sổ bảo hiểm xã hội mang tên Phan Minh K để đến Bảo hiểm xã hội thị xã TU làm thủ tục nhận tiền bảo hiểm xã hội của ông Phan Minh K làm cho nhân viên Bảo hiểm xã hội thị xã TU lầm tưởng bị cáo A là ông K nên đã chi trả tiền bảo hiểm xã hội của ông K cho bị cáo A. Số tiền các bị cáo lừa đảo chiếm đoạt của Cơ quan Bảo hiểm xã hội thị xã TU là 53.640.000 đồng. Hành vi của các bị

cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H và Phạm Minh A về tội danh và khung hình phạt như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tài sản và hoạt động bình thường của cơ quan Nhà nước, gây mất trật tự tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vì động cơ tư lợi nên cố ý thực hiện. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Phạm Minh A có mẹ tên Lương Kim X là người có công với cách mạng, có anh ruột tên Phạm Lý Tường là liệt sĩ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về nhân thân:

Ngày 10/6/2011, bị cáo Nguyễn Văn H bị Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xử phạt 09 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản.

Ngày 30/8/2002, bị cáo Phạm Minh A bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt 02 năm tù về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ.

[6] Đây là vụ án đồng phạm nhưng ở mức đồng phạm giản đơn. Bị cáo Nguyễn Văn H tham gia với vai trò khởi xướng, rủ rê, thực hành tích cực, bị cáo Phạm Minh A tham gia với vai trò thực hành nên mỗi bị cáo pB chịu trách nhiệm hình sự độc lập về hành vi của mình.

[7] Xét thấy mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của các bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 14/10/2019, bị cáo A và H đã hoàn trả số tiền 53.640.000 đồng, Bảo hiểm xã hội thị xã TU không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Ngọc Đ không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9]. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Không có.

[10] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phạm tội bị kết án nên pB chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H và Phạm Minh A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Minh A 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Phạm Minh A để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Phạm Minh A mỗi bị cáo pB chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã TU (01);
- Công an thị xã TU (03);
- UBND phường Tân H
- Chi cục THADS thị xã TU (01);
- Người tham gia tố tụng (04);
- Lưu: VT, HS (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lan Hương